

## BẢN LUẬN QUYỂN 60

Trong chín môn nghiệp, là giải thích môn Khinh, trọng, trong đó, trước là nói về sát sinh nhẹ, nặng. Sau nói về chín nghiệp đạo nhẹ, nặng khác.

Trong phần trước. 1/ Nêu chung nêu năm thứ nhân duyên. 2/ Giải thích riêng.

Trong giải thích. 1/ Y theo ý lạc để nói về nặng, nhẹ. Sau nói về bốn thứ khác, trong đó, nói riêng về nặng, sau nói chung về nhẹ. Sự giống như cảnh.

Hoặc có người giết hại, hoặc tương người. Pháp sư Thái, Pháp sư Cơ đồng nói: “ phần vị Yết thích-Lam rơi vào thai, cũng gọi là sát sinh nặng. Với phần vị ấy, theo Đại thừa cũng phạm Ba-la-di. Các bộ Tiểu thừa khác, trừ Tát-bà-da, đều cho rằng, không thành Ba-la-di, vì chưa có tương người.”

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “Tương người nghĩa là phi nhân biến thành người, với ý muốn giết người, cố sát ở đây, gọi là nặng.”

Kế là, nói về sự nhẹ nặng của chín nghiệp đạo còn lại, chia làm hai:

1. Nêu chung, sẽ nói chín nghiệp do sự nhẹ nặng. Bốn thứ nặng khác, chỉ cho đồng với sát, nên không nói lại.

2. Giải thích riêng theo thứ lớp, trong đó, trước nói riêng về nặng, sau dịch chung để chỉ rõ khinh kia.

Nói Tăng-kỳ, nghĩa là Tăng-già, dịch là Chúng. Nay, nói Tăng kỳ tức gọi là chúng vật, tiếng chuyển như thế, như nói Đạt-ma, gọi là pháp, nếu nói Đạt-di, thì dịch là có pháp.

Môn giải thích tăng giảm.

1. Nói về bốn trường hợp tăng, giảm của sát sinh, trong đó, hai trường hợp tăng trưởng phi tác, vừa tác, vừa tăng trưởng, gọi là Tăng, hai trường hợp: Tác không tăng trưởng, không tác không tăng trưởng, được gọi là “giảm”.

Kế là so với bốn trường hợp tăng, giảm của chín nghiệp còn lại, trong ba nghiệp đạo của ý không có trường hợp của phi tác tăng trưởng thứ hai, tham. Sân, tà kiến đối với lúc “duyên” tăng trưởng, tức là tác, tức là ở vào thời gian tác không tăng trưởng của trường hợp một kia không có không tư duy mà là, vì tham, sân v.v... tương ưng với Tư, phải có tư duy mới có làm, cũng không có người khác gây ép ngặt, mới khởi tham, sân, tà kiến, để pháp.

Môn giải thích Du-già. Nhân quả tương ứng là nghĩa Du-già. Mỗi nghiệp đạo đều dẫn sinh ba quả, trong đó:

1. Nói về ba quả của sát sinh khác nhau.

2. Y theo chín nghiệp, chỉ nói về quả tăng thượng, hai quả còn lại, so sánh đồng với sát sinh.”

Hỏi: Ba quả này là quả của một nghiệp hay quả của nghiệp riêng?”

Giải thích: “Nếu Tát Bà Da dùng nghiệp phương tiện để giúp cho nghiệp căn bản, chiêu cảm quả Dị thực, thì chính là nghiệp căn bản chiêu cảm quả đẳng lưu, về sau khởi nghiệp giúp cho nghiệp căn bản được quả tăng thượng. Dù giúp nhau có quả, nhưng vẫn đồng với nghiệp căn bản. Vì được ba quả này, nên là quả của một nghiệp. Nếu theo cách giải thích của Kinh Bộ thì: “Do khi vận dụng phương tiện, chính là lúc làm khổ hữu tình, nên phải trở vào địa ngục để nhận lấy quả khổ thọ, bởi nghiệp căn bản chính thức đoạn mạng người khác, mắc quả mạng chết yếu trong người. Do về sau khởi nghiệp, vì làm hư hoại sự tươi sáng của người, nên được quả tăng thượng. Sở dĩ ba nghiệp đều được một quả, chỉ vì nghiệp trước, sau đều xuất phát từ nghiệp căn bản, nên nói rằng: “Một nghiệp được ba thứ.”

Nay, theo Đại thừa, trong hạt giống có một nghiệp đạo đều có tác dụng của ba hạt giống nảy sinh riêng một quả, một nghiệp đạo có thể sinh ba quả.

Dưới đây sẽ biên minh về chín nghiệp, có thể dẫn Đối Pháp quyển tám để giải thích dẫn quả sinh, tức là từ ba căn bất thiện dẫn nghiệp đạo khởi, gọi là dẫn quả sinh, trong đó, trước hỏi, sau đáp. Trong phần đáp, có tám đoạn kết hợp với ba ngữ:

Hoặc có chấp đối rằng, vứt cha mẹ v.v... vào trong lửa. Ở phương Tây có một nước đặt ra pháp chế chung: “Hoặc cha, mẹ, bà con, đến khi tuổi già sắp chết, đem bỏ vào hầm lửa, hoặc bỏ ở chỗ hoang vắng”. Những loại như thế la do Si khởi.

Về chi cúng tế: Cách thức cúng tế, dụng cụ để đốt, cúng tế, phải có điều độ, chừng mực v.v.... Hoặc vì oán ghét người kia, nên bắt buộc thê, thiếp của họ phải tự hủy nhục v.v..., tức gọi là giống như hành dục, không gọi là thân là rớt ráo, vì cũng phát “vô tác”. Hoặc làm bò, hoặc làm dụng cụ cúng tế: Ngoại đạo chấp rằng: “Vào thời kỳ kiếp sơ, chúng sinh ăn một cách tự nhiên. Đến thời kỳ kiếp giảm, vị đất giảm, chúng sinh đói khát, các vị trời thương xót, mới hóa thành thân trâu bò để cày bừa với chúng sinh. Chúng sinh được sống sót, ơn trời đã nặng, vì nói

dối không có tội.” Nay người phương Tây cho phân, nước tiểu của bò là sạch, vì là trời. Nói dối như cho nên do si sinh mê hoặc vì cúng tế trời, tìm kiếm mọi dụng cụ để cúng tế, nên nói dối không có tội, cũng từ si sinh.”

Thứ chín, là nói về Quyết Trạch, trong văn có tám:

### **I- Nói về rốt ráo.**

Nghiệp đạo giận dữ, sân là rốt ráo. Và nghiệp tham, tham là rốt ráo: Nếu theo Tát-Bà-Da, một Sát-na tham có hai thứ:

1/ Căn; 2/ Nghiệp.

Vì căn sinh ra nghiệp, nên do căn tham, nghiệp tham rốt ráo. Nếu theo Thành Thật, thì tư duy tham trước chẳng phải nghiệp, tư duy tham sau, chung cho căn, nghiệp. Do tư duy tham ở trước, tư duy tham ở sau, khiến cho rốt ráo. Nay, dựa vào Đại thừa; Pháp sư Cảnh thuật lại hai cách giải thích:

1) “Tức nghĩa trong một niệm, nói là đạo căn. Chủ thể sinh là căn. Hòa hợp với tư duy, gọi là căn đạo rốt ráo. Về nghĩa đồng với Tát-Bà-Đa.”

2) “Dùng phương tiện sau rốt ráo, đối với trước, khiến nghĩa rốt ráo, giống với Thành Thật”.

Cách giải thích của Luận sư Trắc đồng với thuyết đầu. Luận sư Bị đồng với thuyết sau.

### **II- Nói về chỗ đã khởi.**

Pháp sư Cảnh nói: “sáu nghiệp như sát sinh v.v... đều khởi xứ hữu tình, nghĩa là theo chỗ mạnh mà nói. Thật ra lời nói thô, giận dữ chung cho cả xứ phi tình khởi.”

“Nói lời thêu dệt, gọi là xứ thân khởi” nghĩa là lấy chung danh, tự, pháp của tình, phi tình, mà nói ra lời thêu dệt. Ý ngữ độc đầu (lời nói thêu dệt độc đầu) này dựa vào danh, thân, mà phát ra. Nếu ba ngữ trước tương ứng với ý ngữ, thì cũng dựa vào xứ tình, phi tình khởi.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Không chẳng mà lấy, tham muốn chỗ tiền bạc, của cải khởi, nghĩa là mặc tình trộm hữu tình khác, cũng gọi là tiền bạc, của cải.

Chỗ các hành tà kiến khởi: Là một giải thích: “Rằng, chỉ “duyên” Khổ, Tập đế, nghĩa là vì thực hành chung năm môn, nên tăng thượng, được gọi là xứ các hành, không lấy Diệt, Đạo.”

Lại, giải thích: “Chỉ ở ba đế, trừ Diệt đế, vì theo phần nhiều. Hoặc có thể bốn đế, đều gọi là các hành, vì các phần của tâm biến hiện.

**III- Nói về viên mãn:** Trước, là nêu chung, gạn hỏi, nêu, sau, là

giải thích riêng.

Trong giải thích riêng gồm có:

1) Giải thích lỗi của tự tánh, trong đó, y theo Tư để nói về thể của bảy nghiệp đạo trước; ba nghiệp đạo sau, được nêu đồng thời với Tư gọi là nghiệp đạo là bất thiện, gọi là lỗi của tự tánh.

2) Giải thích về lỗi của nhân duyên, tức thể của nghiệp đạo thuộc quả trước. Do tham v.v... tăng thượng mà sinh, gọi là lỗi của nhân duyên.

Dưới đây, là giải thích về lỗi của tiêm nhiễm, trong đó, ban đầu lập Tông. Kế là, gọn, giải thích nguyên nhân.

Trong phần giải thích, có hai:

1) Y theo tội của Xúc (va chạm)

2) Nói về nghĩa chuyển biến.

Trong phần trước có hai: “1- pháp. 2- Dụ.

Trong pháp, đại ý nói: “Như sát đời trước, khi đối với rớt ráo, dù người ấy không có ý nghĩ để cho người khác mắc tội, nhưng do đã giết, nên sẽ phải thọ khổ, nhờ oai lực của nghiệp sát khiến cho quả của Tư giết hại của người kia trở thành nghiệp đạo căn bản tăng thượng, cho nên gọi là tiêm nhiễm.

Trong dụ, như có hỏa châu, đợi ánh sáng mặt trời chiếu vào, liền phát ra lửa, nên gọi là nhật châu (viên ngọc mặt trời)”.

Dưới đây, sẽ nói về nghĩa chuyển biến: Trước là pháp, sau là dụ.

Trong pháp ý nói: “Như sai một sứ giả, người nước ngoài giết, lúc giết rớt ráo, hai người ở kia và đây dù không biết nhau, nhưng do oai lực thọ khổ rớt ráo của xứ sở kia mà chết đã giúp cho người này có thể khiến Tư trở thành nghiệp đạo tăng thượng rất nặng, lại không tăng thể của pháp riêng, nghĩa này rất tốt, phần nhiều được tránh khỏi trở ngại khó khăn.

Từ xưa đến nay, Hán tăng thường châm chước, nên có thuyết nói: “cần phải được báo, mới biết do huân tập trở thành hạt giống, gọi là đắc tội v.v... đều không hợp lý.

Trong thí dụ đã nói: “như bốn đại chủng, do sức uy thế của quả quá khứ đã giúp cho bốn đại chủng: Cứng, ướt, ẩm ướt v.v... lại không thêm sự cứng, ướt v.v... nào riêng; như thế, lia ngoài Tư, không có sát, v.v... riêng, tức phát chủng tử Tư của nghiệp gia hạnh làm khổ của người khác sinh. Hạt giống chuyển biến này Sát-na Sát-na mới sinh “vô biểu” của giới ác. Do uy lực của giới ác đó, phát khởi như thế, gọi là đồ nhiễm”.

Sa-lê-Dược-Ca, Pháp sư Cảnh nói: “ Xứ này không có danh từ nào để phiên dịch, nên vẫn giữ nguyên âm Phạm ”.

Pháp sư Thái, Pháp sư Khuy Cơ đồng nói: “ Danh từ này dịch là Tộc thôn”. Luận sư Trắc nói: “ Tiếng phạm Lê Ca, Hán dịch là Tộc tánh (tánh họ). Như thế, đồ nhiệm không ở Tiểu thừa, Đại thừa mới có:

**IV. Nói về định, bất định:** Nói: “Như trước đây đã nói “tác” và nghiệp tăng trưởng, nghĩa là trong bốn trường hợp của môn thứ sáu, chỉ trường hợp tác đều cùng có kia cũng tăng trưởng là định nghiệp kia; ba trường hợp còn lại là nghiệp bất định, nên nay, riêng nhắc lại trường hợp đều cùng có kia.

Nếu trước đã nói về cái gọi là nghiệp quyết định thọ v.v..., là nhắc lại môn thứ năm trước:

- 1) Do cố ý.
- 2) Do phương tiện.
- 3) Do không có đối trị.
- 4) Do tà chấp.
- 5) Do việc ấy.

Trái với năm nhân duyên này, gọi là bất định thọ

“Lại có bốn nghiệp v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “ Bốn nghiệp này tương đương với tám nghiệp của Thí dụ sư không đồng với năm nghiệp v.v... của Tát-bà-đa. Nghiệp quyết định thọ có hai.

- 1) Báo quyết định, y theo phần bất định.

Nghiệp như thế được tạo khi ở phàm, hoặc ở thân phàm; hoặc thân Vô học của bậc Thánh, tùy ở thân nào, hễ “duyên” hợp thì thọ.

2) Phần vị lúc thọ quyết định báo thì không quyết định. Lúc ở phàm, tạo nghiệp; hoặc khi ở hai định thì trải qua. Đôi khi thân hữu học chứng quả Thánh, mới thọ. Nếu được sau vô học chuyển y, thì rốt ráo, không thọ. Nay, nói nghiệp thọ quyết định bất thiện của A-la-hán đều nhẹ, bị khổ ép ngặt, gọi là báo thực: tức là nghiệp bất định của phần vị báo quyết định. Do đó, La-hán vẫn còn thọ “khổ thọ” của báo riêng”.

Nói “Nếu đã chuyển y v.v... thì tức là báo không quyết định, nghiệp của phần vị quyết định, La-hán không thọ”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Nói về Đại thừa chỉ nói bốn nghiệp. Trong đó gồm nhiều thuyết:

- 1) “Nói là địa vị phàm phu ở đời trước, đời này đều gây ra nghiệp bất thiện. Đây là vì nghiệp quyết định, nên khi chứng đắc La-hán, thọ một ít khổ nhẹ, nên gọi là “quả báo đã thực”. Vì đã được chuyển y Niết-bàn hữu dư, nên tất cả thọ nghiệp quyết định bất thiện.

Quả Dị thực đều không thọ, chỉ thọ một ít, báo đáp, nhẹ, dễ dàng. Đây là phần thô nặng của thể bất thiện ở trước, khiến thọ báo khởi, chứ chẳng phải nghiệp bất thiện hiện tại”.

Hỏi: “Đây là nghiệp quyết định, vì sao La-hán chuyển thọ nghiệp nhẹ ư?”

Đáp: “Vì đạo Phật đã được vào thân phàm phu chưa giải thoát để kiến lập định nghiệp, chứ chẳng phải ở thân người được giải thoát mà kiến lập nghiệp quyết định. Vì thế, có thể chuyển thọ nghiệp nhẹ”.

2) “Chuyển y, nghĩa là nhập Niết-bàn vô dư, vì hạt giống là không, nên tất cả đều không thọ nghiệp. Dựa vào người chưa nhập Niết-bàn vô dư để kiến lập định nghiệp. Nhập Niết-bàn vô dư, gọi là giải thoát sự nối tiếp nhau. Tuy nhiên, A-la-hán nhập Niết-bàn hữu dư, cũng gọi là chưa giải thoát, nên thọ nghiệp nhẹ”.

3/ Lại, giải thích: “Khi được Niết-bàn hữu dư rồi, vì có phần thể lực, nên ở hiện tại chỉ cảm thọ nổi khổ ít, nhẹ, vì dứt trừ hẳn hạt giống của quả báo kia, nên tất cả đều không thọ nghiệp ở vị lai. Y này là như thế”

4/ Lại, giải thích; “Nghiệp vượt hơn vẫn còn ở phàm phu. Hoặc địa vị hữu học, vì bị khổ ít, nhẹ ép ngặt, nên gọi là “đã thành thực”, vì từ quả đặt tên, nên nói như thế. La-hán đã được vô học ngay thân này, nên nếu sau khi được đạo “Kim cương” thì tất cả sẽ không thọ, vì hạt giống của quả báo là không. Chính vì thế, nên trong thân A-la-hán, có răn mỗ v.v.... Đây là quả báo với quả đẳng lưu, chứ chẳng phải quả Dị thực hôm nay. Được quả thứ ba trở lên, vì nghiệp đã hết, vì xứ viên mãn, nên được chuyển y”.

**V. Nói về một lúc lôi kéo.** Phải nói là do hai nghiệp: Như có người nói: Ăn trộm lôi kéo bắt lấy một con gà. Do lôi kéo trộm lấy là lo nghĩ trộm thứ nhất, tức vào thời gian khởi lo nghĩ đến giết thứ hai. Nếu lúc khởi lo nghĩ lôi kéo ăn trộm. Bấy giờ không khởi lo nghĩ nắm bắt. Hoặc lúc khởi nghĩ bắt người kia giết, lúc giờ không lôi kéo họ vì sự chuyển biến nhanh chóng, sinh tăng thượng mạn, chẳng phải một lúc, nghĩa là một lúc, thật ra có hai thời gian lo nghĩ khác nhau. Phải nói là hai nghiệp đạo khác nhau”.

**VI. Nói về nghiệp báo của ba thời gian;** Trong đó, trước nói về ba duyên thành tựu thọ hiện pháp. Sau, nói về nghiệp lực có nhiều ít.

Trong phần trước, trước thiện, sau ác.

Phần trước, Pháp sư Cảnh nói: “ Ruộng rộng lớn, nghĩa là Từ, vô tránh, diệt định kiến đạo và Vô học. Ngoài năm nhân này lại thêm “Và

đạo Phật là Đại Bí-sô Tăng đứng đầu (Thủ lãnh của Bí-sô tăng). Đây là nêu Đức Phật, là bậc Thượng thủ, lấy chúng của Phật kia.

Bốn nhân trước y theo mỗi nhân đều làm nhân riêng. Chúng Phật thứ năm, lấy chúng làm nhân. Tuy nhiên, chúng ngoại đạo có đến chín mươi lăm thứ, mỗi thứ đều nói: “Thầy ta là thanh tịnh bậc nhất trong chúng. Nay, nêu Đức Phật lấy chúng, vì phân biệt với người khác.

Tư duy rộng lớn. Nghĩa là đối với năm hạng trước, dùng tâm thanh tịnh để thực hành bố thí.

Thanh tịnh nối tiếp nhau. Nghĩa là ba nghiệp ở đời trước thanh tịnh, không che lấp sự bố thí cho người. Ngày nay, thực hành bố thí, không có che lấp thí.

Ba nhân đầy đủ, quả kia nhất định hiện thọ, tức nghiệp hiện thọ này cũng cảm sinh hai quả báo sau”.

Luận sư Trắc nói: “ Đủ ba nhân trước, tức thành tựu nghiệp báo của ba thời gian”.

Dưới đây, là nói trái với thuyết minh trước, là hiện nghiệp bất thiện, tức ở trước do hành bất thiện nên Tư, che lấp thực hành thí, thành tựu bất thiện, là nghiệp hiện báo.

Kế là, nói về sức nghiệp có nhiều, ít. Trước pháp, sau dụ.

Trong pháp, có nghiệp chỉ được hiện; có nghiệp được hiện sinh. Có nghiệp được hiện sinh và báo của ba thời gian sau. Có nghiệp chỉ chiêu cảm báo sau. Văn lược qua không nói.

Kế là, nêu ba dụ so sánh rất dễ hiểu. Nhưng nói ở đây không đồng với luận Tiểu thừa, nghĩa là theo Tát-bà-đa thì nghiệp chỉ thọ một chúng đồng phần, nên người gây ra năm tội nghịch ở trong một kiếp chỉ thọ quả Vô gián, trong đó, nghiệp nặng chiêu cảm ở báo chung nghiệp khác được báo riêng. Chánh lượng bộ giải thích: “Gây ra đủ năm tội nghịch, theo thứ lớp trong năm kiếp, mỗi kiếp đều thọ một kiếp. Theo luận Thành Thật, đủ năm Vô gián, sẽ chiêu cảm chung năm kiếp. Dị thực chẳng phải khác nhau, chiêu cảm lẽ, dù chiêu cảm năm kiếp, nhưng vì từ lúc đầu được tên, nên gọi là sinh báo. Nay, theo Đại thừa, Nghiệp trong một Sát-na có đủ ba công năng. Nếu khởi hiện báo, thì gọi là nghiệp hiện thọ. Nếu cảm sinh báo, thì gọi là nghiệp sinh thọ. Thọ nghiệp sau cũng thế, dù cảm ba thời gian, nhưng từ phần dị thực ban đầu, phán quyết ba nghiệp không rối loạn”.

**VII. Nói về cảm quả nhiều ít, và dứt trừ nghiệp đường ác.**

Dự lưu đã dứt trừ. Nghĩa là y cứ sự thật, cũng dứt trừ, chiêu cảm nghiệp đường lành; như châu phía Bắc v.v....Nay vì y theo dứt trừ nghiệp



hoàn toàn, nên lược qua không nói.

Hỏi: “Nếu các phàm phu sai bảo kẻ khác làm việc giết hại, thì khi chưa giết, người sai bảo đối với lúc đang giết về sau đã giết có thành nghiệp đạo hay không?”

Đáp: “Theo luật tạng để luận, thì không thành nghiệp đạo. Nay, theo Đại thừa, dù chứng quả Thánh, nhưng vì có hạt giống nghiệp, nên được nghiệp đạo. Hoặc có thể vì đã chứng quả Thánh, nên dù đã sát sinh xong, vẫn không thành nghiệp đạo.

Ngài tam Tạng phán quyết: “Cách giải thích sau là hơn”.

Nói: “Nếu đã chứng nhập Bồ-tát địa thanh tịnh ý lạc, thì tất cả nghiệp đều dứt trừ. Nếu do tu dứt trừ nghiệp ác phẩm trung thượng thì khi ở kiến đạo, sẽ hàng phục hẳn không khởi. Thất Địa trở xuống, Tu hoặc phẩm hạ tương ứng với nghiệp Tư. Vì lợi người, nên phải biết mới khởi.”

Lại, giải thích: “Thất Địa trở về trước, vì nghiệp không trói buộc, nên các Bồ-tát ấy đến đường ác, nhằm đem lại lợi ích cho hữu tình. Luận chủ vì y cứ riêng nghiệp trói buộc, nên nói: “đều dứt trừ”.

**VIII- Nói về tướng của nghiệp đạo.** Tư là nghiệp, chứ chẳng phải nghiệp đạo v.v.... Luận sư Bị nói: “Ở trước nói: “Ba nghiệp giả thuyết trên Tư. Nhưng chính Tư, có thể cũng là nghiệp đạo. Vì sao nghiệp trong đây chẳng phải nghiệp đạo ư?”

Giải thích: “Ở trước y theo lý chân thật, nghĩa là thiện bất, có thể được đạo quả đáng yêu, không đáng yêu, nên nghiệp kia tức đạo. Nay vì y theo môn thế tục, nên nói chẳng phải đạo nghiệp.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Dấu chân đi xa gọi là đạo, Tư chẳng phải đạo. Quả hay được, nên gọi là quả. Đạo, Tư cũng là đạo quả, nên ở trước nói là ý ở biểu nghiệp, tức thể là Tư.

Tư ở đây, như thế nào là chẳng phải đạo? Dưới đây là kết không biểu hiện.”

Trên đây, quyết định lựa chọn chín môn nghiệp đã xong. Dưới đây, dùng bài tụng để kết:

1. Tướng tự tánh.
2. Rộng.
3. Lược.
4. Phương tiện.
5. Nhẹ, nặng.
6. Tăng, giảm.
7. Du-già.



8. Dẫn quả sinh.

9. Quyết trạch.

**I. Dưới đây là giải thích sinh tạp nhiễm**, trong đó, trước là kết trước, sinh sau. Sau, là chánh quyết trạch chia làm bốn:

1. Nói mười một thứ sinh.

2. Nêu kinh, giải thích.

3. Y theo mười hai duyên khởi, nói về sinh tạp nhiễm.

4. Nêu lại kinh, giải thích. Văn đoạn đầu nói: “Mười một sinh,

Pháp sư Cảnh nói:

1. Hoàn toàn vui, là ba thiền dưới.

2. Hoàn toàn khổ: Là Địa ngục.

3. Khổ vui lẫn lộn: Sáu tầng trời, cõi người, quý, súc sinh.

4. Không khổ, không vui: thiền thứ tư trở lên.

5. Phàm phu cõi Dục.

6. Bát Địa trở lên.

7. Phàm phu cõi trên. Đã lìa dục nhiễm, gọi là thể thanh tịnh. Là phàm phu, gọi là không thanh tịnh.

8. Sinh ở cõi Dục, gọi là không thanh tịnh. Sinh ở chỗ nhàn rãi, thì gọi là thanh tịnh.

9. Sinh ở chỗ thanh tịnh, không thanh tịnh. Thứ bảy, là y theo thể, thứ chín này y theo xứ, để nói, vì sinh này khác nhau.

10.&11. Rất dễ hiểu.”

Pháp sư Thái nói: “Cõi Dục có một phần chư thiên và ba địa của cõi Sắc, Vô Sắc, gọi là hoàn toàn lạc sinh. Một phần trời cõi Dục và người, quý, súc sinh, thọ đủ báo khổ, vui, gọi là sinh lẫn lộn.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Bảy thứ trước y cứ tự thể sinh; chín thứ sau, y theo xứ để nói, đồng với Pháp sư Cảnh.”

Lại, giải thích: “Sinh thứ bảy, vì lìa nhiễm, nên gọi là thanh tịnh; vì phàm phu nên gọi là không thanh tịnh. Y theo sinh, vì đối với Niết-bàn v.v... làm trường hợp. Thứ chín, vì thể lìa nhiễm, nên gọi là thanh tịnh. Vì chỗ này không được kiến đế, nên gọi là không thanh tịnh. Y theo sinh, đối với chỗ có rảnh rang làm trường hợp.”

## **II. Nêu trong nêu kinh có bốn:**

A- Nói nhiếp thọ khổ, tập. Tăng Yết-tra-tư thường thọ giọt máu. Cũng tương đương với Nhiếp Luận nói: “Các ông càng thêm tham ái suốt đêm dài, thường cảm nhận giọt máu.”

“Nếu vậy, nói ngay tham ái tự được, cần gì phải nói Yết-tra-tư?”

Giải thích rằng: “Yết-tra-tư là tiếng phạm. Ở Trung Quốc không

có danh từ tương đương để dịch, nên giữ nguyên tiếng phạm.

Tham ái là danh trong đây. Tiếng Phạm tự khác. Nay, nói Yết-tra-tư là tham ái, nghĩa là y theo thể đồng tướng, tức gọi là tướng khác, làm rõ tham ái, là “danh” trong đây. Tiếng phạm cũng là Yết-tra-tư.

Có tiếng Phạm riêng, Trung văn chỉ bày rõ. Nhiếp thọ Tập đế, nghĩa là tham ái.

B. Nói năm thứ chẳng phải điên, mà dường như điên.

Cắt xẻ chi tiết: Các nước phương Tây, muốn đốt thầy chết, cần phải thúc dục người cắt rọc chi tiết của thầy chết để dễ đốt. Dưới đây nói Bồ-Yết-Ta, tức là người này.

C. Nói về lưu chuyển. Có mười hai bài tụng. Trong đó, đầu tiên có bảy bài tụng nói về quả lưu chuyển. Kế đến có ba bài tụng rưỡi, nói về tai hại lỗi lầm của lưu chuyển, để than thở “hoặc” kia. Sau, có hai câu tổng kết, khuyên hiểu biết.

D. Nói trong kiếp đấu tranh, có bốn lỗi, tám số không giúp (không cùng).

**III. Y theo mười hai duyên khởi để nói về sinh tạp nhiễm**, trong đó có ba:

A. Y cứ năm tướng để nói về mười hai chi.

B. Thông qua thuyết khác của kinh.

C. Nói về duyên khởi có bốn thứ lớp.

Đầu tiên nêu năm tướng, để phân biệt vô minh, mười một chi còn lại đều giống nên không giải thích, trong môn giải thích tướng, có tám thứ tướng, đều nêu ra quả để làm rõ.

Tướng chung của tự tánh, như trước đã nói: Lấy thuyết nói mười chín Vô trí như Vô trí v.v... của mẹ trước, có chín thứ khác nhau :

1. Hạt giống.

2. Hiện hành.

3. Tương ứng.

4. Bất cộng.

5. Che lấp tâm tánh, tức bốn chương che lấp tâm thiện bất cộng tương ứng ở trước.

6. Phát nghiệp, tức vô minh bất cộng.

7. Không nhiễm tức vô minh pháp chấp.

8. Lìa xấu hổ, tức hạt giống v.v... ở trước, lìa xấu hổ, phát khởi hành vi ác.

9. Cứng chắc, nghĩa là hữu tình vô tánh.

Y cứ trong giải thích nghiệp có ba:

1) Y theo mười một nghĩa để nói nghiệp vô minh.

2/ Kế là y cứ mười hạng người, nhằm nói về nghiệp vô minh.

3/ Sau, nói về vô minh gây chướng ngại ở năm chỗ.

Mười một phần đầu, tức là năm cặp:

1. Không hiện thấy đối với hiện thấy. Quá khứ, vị lai, gọi là không hiện thấy; hiện tại, gọi là hiện thấy.

2. Hơn đối với kém, nghĩa là cõi Dục, Sắc, Vô Sắc.

3. Lợi ích, đối với không lợi ích, nghĩa là không có tội, đối với có tội.

4. Chân đối với tà. Tam bảo gọi là chân; trời chấp Tự tại v.v..., gọi là Tà.

5. Nhân đối với quả. Nghĩa là khổ, Tập là nhân quả sinh, tử; diệt, đạo là nhân quả Niết-bàn.”

Có chỗ giải thích: “Đây là mười nghĩa, là cảnh sở duyên của mười si ở dưới, nói thiếu kém, nghĩa là cảnh, gọi là “không hiện thấy, cho đến hiện thấy thứ mười: Cảnh, gọi là nghĩa nhân, quả.”

Kế là y theo mười người để nói về nghiệp vô minh, theo văn sẽ hiểu.

Dưới đây, là nói về vô minh gây chướng ngại, đối với năm xứ để làm nghiệp. Dù năm xứ khác nhau, nhưng lược chia làm hai: ba thứ trước, che lấp bậc Thánh; hai thứ sau che lấp phàm phu:

1. Chủ thể chướng ngại chân thật trí hỷ, nghĩa là che lấp kiến đạo ban đầu. Vì người Nhị thừa khi chứng quả Thánh đầu tiên, dù có hơn kém, nhưng đều sinh hoan hỷ.

2. Làm chướng ngại phiền não diệt được: Đây là chướng đoạn đức.

3. Che lấp Thánh đạo thành tựu viên mãn, nghĩa là chướng ngại tu đạo, vô học đạo.

4, 5. Che lấp thắng lợi của thế gian.

Y theo bốn nghĩa đầu trong pháp vô minh, để biên minh. Sau, y theo ba cõi để nói.

Trong phần trước:

1. Rơi vào vô minh, hướng đến vô dư, có ba, nghĩa là hạt giống vô minh.

2. Có hai nghĩa trước: Đường vô minh và đối tượng khuấy nhiễu, nghĩa là hiện tại khởi vô minh. Không phát thân, ngữ mà cảm thấy xấu hổ.

3. Chủ thể phát nghiệp, trên hai thứ trước, như bị vô minh làm

nhơ.

4. Phát nghiệp, lại không xấu hổ, tức gọi là đối tượng nịnh hót.

Do ba thứ trước rơi vào đường vô minh, không gọi là người si; do một thứ sau, gọi là người si. Nhân trong nhân quả, như Bản địa phần đã nói, nghĩa là không tư duy đúng. Quả, là tất cả chỉ Hữu sau, nghĩa là mười chi như Hành v.v... đều là quả vô minh. Lại, không thể hiểu rõ về chân như và các đế, nghĩa là đối với chơn như và đế an lập, không thể hiểu rõ. Giải thích đúng vô minh là thể của nhân kia.

Dưới đây, là nói về sinh quả :

“Hoặc lại do dự: Do vô minh không hiểu rõ, sinh nghi hay chính do sinh này ư?”

“Quyết định v.v... nghĩa là kể là, từ vô minh sinh kiến, mạn v.v... tương ứng là tướng của quả. Tự kinh miệt, là căn.

B. Trong giải thích thuyết khác của kinh. Trước nêu kinh làm vấn nạn. Kinh có ba chi sau, trong phần giải thích gồm có:

1) Y theo nhân “câu hữu”, nhân y, bao gồm nhân. Dẫn phát để giải thích.

2) Y theo nhân giúp đỡ, để giải thích thông qua.

3) Nói về thứ lớp của các nhân kia có bốn:

a) Thứ lớp của nhân dẫn dắt: Thể của vô minh, hành là tánh của nghiệp “hoặc”, có công năng chiêu cảm, dẫn dắt.

b) thứ lớp của nhân sinh khởi: Thức sinh danh sắc, danh sắc sinh sáu xứ. Y cứ trực tiếp hiện khởi, sinh nhau trước sau,

c) Thứ lớp của cảnh giới thọ dụng: sáu xứ sinh xúc; xúc sinh thọ cảnh giới hiện dụng.

d) Thứ lớp thọ dụng khổ, nghĩa là năm chi như ái v.v.... Ba khổ trước là nhân; hai khổ sau là quả.

Nói chung về thứ lớp thọ dụng khổ, như Bản địa Thứ mười nói: “Nổi khổ của năm chi thaiTạng”

-----